

Đơn vị báo cáo:...

Biểu số 109-TTGS

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN ĐẾN TỶ LỆ KHẢ NĂNG CHI TRẢ

(Ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Tài sản có tính thanh khoản cao	
2	Tài sản có tính thanh khoản cao theo VND	
3	Tài sản có tính thanh khoản cao theo ngoại tệ	
4	Tổng Nợ phải trả	
5	Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo, theo VND	
6	Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo, theo ngoại tệ	
7	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn ngày tiếp theo, theo VND	
8	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn ngày tiếp theo, theo ngoại tệ	
9	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn ngày tiếp theo, theo VND	
10	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn ngày tiếp theo, theo ngoại tệ	
11	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 2 đến ngày 7 theo VND	
12	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 2 đến ngày 7 theo ngoại tệ	
13	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 2 đến ngày 7 theo VND	
14	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 2 đến ngày 7 theo ngoại tệ	
15	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 8 đến ngày 30 theo VND	
16	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 8 đến ngày 30 theo ngoại tệ	
17	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 8 đến ngày 30 theo VND	
18	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 8 đến ngày 30 theo ngoại tệ	
19	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 31 đến ngày 180 theo VND	
20	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 31 đến ngày 180 theo ngoại tệ	
21	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 31 đến ngày 180 theo VND	

22	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 31 đến ngày 180 theo ngoại tệ	
23	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 181 đến ngày 360 theo VND	
24	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn từ ngày 181 đến ngày 360 theo ngoại tệ	
25	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 181 đến ngày 360 theo VND	
26	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn từ ngày 181 đến ngày 360 theo ngoại tệ	
27	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn trên 360 ngày theo VND	
28	Giá trị dòng tiền vào theo thời gian đến hạn trên 360 ngày theo ngoại tệ	
29	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn trên 360 ngày theo VND	
30	Giá trị dòng tiền ra theo thời gian đến hạn trên 360 ngày theo ngoại tệ	

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân).

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Ngoại tệ bao gồm đô la Mỹ và các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi khác quy đổi sang đồng Việt Nam thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Chỉ tiêu từ 1 đến 4, chỉ tiêu từ 7 đến 30: Thống kê số dư tại cuối ngày báo cáo. Cách tính các chỉ tiêu này để xác định tỷ lệ khả năng chi trả được thực hiện theo quy định hiện hành của NHNN về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

- Chỉ tiêu 1, 4: Đơn vị tính theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi khác quy đổi sang đồng Việt Nam (theo tỷ giá trung tâm, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam và một số ngoại tệ khác do Ngân hàng Nhà nước công bố hàng ngày hoặc theo tỷ giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán trong trường hợp không có tỷ giá trung tâm, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam và một số ngoại tệ khác

- Chỉ tiêu 5, 6: Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo là chênh lệch dương giữa dòng tiền ra của 30 ngày liên tiếp kể từ ngày hôm sau và dòng tiền vào của 30 ngày liên tiếp kể từ ngày hôm sau. Trường hợp Dòng tiền ra nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) Dòng tiền vào, thì Dòng tiền ra ròng báo cáo không phát sinh (KPS).